

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĨNH KHƯƠNG*

TÓM TẮT

Bài báo đề cập đến việc đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên (GV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Trên cơ sở đánh giá thực trạng này, chúng tôi đề xuất các biện pháp mang tính thực tiễn nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV Trường ĐHSP TPHCM.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

The reality of management operations of lecturers' scientific research activities in Ho Chi Minh City University of Education

The article discusses the assessment of the reality of management operations of lecturers' scientific research activities in Ho Chi Minh City University of Education. In light of the assessment, the article proposes some practical solutions to help improve the efficiency of management operations of lecturers' scientific research activities in Ho Chi Minh City University of Education.

Keywords: scientific research, management of research activities, instructors and lecturers of Ho Chi Minh City University of Education.

1. Đặt vấn đề

Luật Giáo dục năm 2005 của Việt Nam có quy định: Nhà nước tạo điều kiện cho nhà trường và các cơ sở giáo dục khác tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến khoa học và công nghệ (KH&CN); kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học (NCKH) và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước thực hiện vai trò trung tâm văn hóa, KH&CN của địa phương và của cả nước. Để tạo nguồn lực cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, KH&CN, Nghị quyết số

14/NQ-CP của Chính phủ ngày 02-11-2005 về đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam (giai đoạn 2006 – 2020) đã xác định: “Nâng cao rõ rệt quy mô, hiệu quả hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học. Các trường đại học phải là trung tâm NCKH mạnh của cả nước” [5].

Trong các trường đại học, hoạt động dạy – học và NCKH là hai nhiệm vụ hàng đầu. Hai nhiệm vụ này có sự gắn bó hữu cơ với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Có dạy và học tốt mới khơi dậy niềm say mê và năng lực NCKH, tạo điều kiện để những cán bộ có năng lực tham gia vào đội ngũ NCKH. Do đó, đây

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

mạnh hoạt động NCKH được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giáo dục, Trường ĐHSPTPHCM đã xác định: “Trường ĐHSPTPHCM là một trong những trường đại học hàng đầu của Việt Nam, đảm bảo có uy tín với trình độ và chất lượng cao về các sản phẩm đào tạo nguồn nhân lực và NCKH thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học giáo dục – sư phạm” [8]. Theo những định hướng đó, Trường ĐHSPTPHCM đã chú trọng đến việc quản lý hoạt động chuyên môn của GV, đặc biệt là hoạt động giảng dạy và NCKH. Nhiều giải pháp lớn trong quản lý đã được áp dụng nhằm sử dụng, khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn lực NCKH ở trường, đặc biệt là đối với đội ngũ GV. Vấn đề tìm kiếm những giải pháp tích cực và hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động NCKH trong nhà trường luôn được quan tâm. Vì vậy, việc tìm hiểu *thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV Trường ĐHSPTPHCM* là cần thiết và mang tính thực tiễn cao.

2. Giải quyết vấn đề

Để tìm hiểu thực trạng vấn đề nghiên cứu, chúng tôi thực hiện khảo sát với 39 đối tượng là cán bộ quản lý, bao gồm Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm các khoa, Trưởng Bộ môn. Khách thể nghiên cứu bao gồm các mẫu nghiên cứu đại diện, khá đa dạng và đảm bảo độ tin cậy.

Ngoài ra, chúng tôi còn khảo sát thêm 86 GV tại các khoa để thu thập số

liệu bổ trợ nhằm làm rõ kết quả nghiên cứu của đề tài.

2.1. Cách thức tổ chức nghiên cứu

2.1.1. Mô tả bảng hỏi trong đề tài

Chúng tôi sử dụng hai mẫu bảng hỏi ứng với từng nhóm khách thể quản lý công tác NCKH của GV Trường ĐHSPTPHCM.

Có thể mô tả chi tiết từng mẫu nghiên cứu như sau:

* *Mẫu 1: Dành cho Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm khoa, Tổ Bộ môn.*

Phần nội dung hỏi gồm 10 câu: Tìm hiểu thực trạng công tác quản lý hoạt động NCKH của GV Trường ĐHSPTPHCM.

Câu 1, 2, 4 có năm mức độ và người trả lời chỉ được chọn một mức độ.

Câu 3, 5, 6, 7, 9, 10 là những câu có nhiều nội dung ứng với năm mức độ, người trả lời chỉ được chọn một mức độ duy nhất.

Câu 8 có nhiều lựa chọn và người trả lời phải xếp hạng từ 1 đến 10, với 1 là yếu tố được chú ý nhiều nhất.

Đây là cách thức trả lời các câu hỏi, nhưng cần nhấn mạnh đến nội dung của 10 câu hỏi này. Ví dụ:

- Nội dung 1 đến 5: Chức năng kế hoạch hóa.

- Nội dung 6 đến 10: Chức năng tổ chức.

- Nội dung 11 đến 15: Chức năng chỉ đạo.

Nội dung 16 đến 20: Chức năng kiểm tra

* *Mẫu 2: Dành cho GV các Khoa*

Phần nội dung hỏi gồm 16 câu như sau:

Câu 1, 2, 5 có năm mức độ và người trả lời chỉ được chọn một mức độ.

Câu 3 có nhiều lựa chọn và người trả lời có thể chọn lựa tự do.

Câu 4, 13 có nhiều lựa chọn và người trả lời phải xếp hạng từ 1 đến hết với 1 là yếu tố được chú ý nhiều nhất.

Câu 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, 15, 16 là những câu có nhiều nội dung ứng với năm mức độ và người trả lời chỉ được chọn một mức độ.

Riêng câu 7 mẫu 1 và câu 8 mẫu 2 có 20 nội dung với năm mức độ lựa chọn. Câu này đã được cấu trúc ẩn để đánh giá về bốn chức năng trong quản lý hoạt động NCKH của GV tại Trường ĐHSPTPHCM:

- Nội dung 1 đến 5: Chức năng kế hoạch hóa.
- Nội dung 6 đến 10: Chức năng tổ chức.

- Nội dung 11 đến 15: Chức năng chỉ đạo.

- Nội dung 16 đến 20: Chức năng kiểm tra.

2.1.2. Cách tính điểm của bảng hỏi

Sau khi thu về các loại bảng hỏi, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 16.0 để tiến hành thống kê số liệu nghiên cứu:

- Tính phần trăm (%) cho những câu hỏi có nhiều lựa chọn và khách thể được lựa chọn tự do.
- Tính điểm trung bình (ĐTB) và tính phần trăm (%) cho những câu có năm mức độ, đối tượng khảo sát chỉ được chọn một mức độ dựa trên những gợi ý đã có.
- Tính ĐTB cho những câu có nhiều lựa chọn với năm mức độ tương ứng mà đối tượng khảo sát chỉ chọn một mức độ.

* Cách tính điểm của phiếu hỏi như bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Mô tả cách tính điểm của phiếu hỏi

| ĐTB | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3, 10 | Câu 6 | Câu 4, 5, 7, 9 |
|------------|----------------------------|--------------------------|------------|--------------------------|----------------|
| 4,51 – 5,0 | Rất quan trọng | Rất tích cực | Rất nhiều | Rất quan tâm | Tốt |
| 3,51 – 4,5 | Quan trọng | Tích cực | Nhiều | Quan tâm | Khá |
| 2,51 – 3,5 | Bình thường | Bình thường | Trung bình | Bình thường | Trung bình |
| 1,51 – 2,5 | Không quan trọng | Không tích cực | Ít | Không quan tâm | Yếu |
| 1,0 – 1,5 | Hoàn toàn không quan trọng | Hoàn toàn không tích cực | Rất ít | Hoàn toàn không quan tâm | Kém |

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng thông qua sự tự đánh giá của chủ thể quản lý kết hợp với đánh giá của GV Trường ĐHSPTPHCM

2.2.1. Tự đánh giá mức độ tích cực trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV (xem bảng 2)

Bảng 2. Mức độ tích cực trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV

| Mức độ | Tỉ lệ (%) | ĐTB |
|--------------------------|-----------|------|
| Rất tích cực | 2,6 | 3,77 |
| Tích cực | 71,8 | |
| Bình thường | 25,6 | |
| Không tích cực | 0 | |
| Hoàn toàn không tích cực | 0 | |

Bảng 2 cho thấy tự đánh giá mức độ tích cực của cán bộ quản lý trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV với ĐTB=3,77, mặc dù ĐTB này ứng với mức tích cực nhưng nếu xem xét từng tỉ lệ cụ thể thì chúng ta sẽ thấy chỉ có 2,6% cán bộ quản lý đánh giá là rất tích cực, 71,8% đánh giá là tích cực và có đến 25,6% cán bộ quản lý tự đánh giá sự tích cực của mình chỉ ở mức bình thường.

Kết quả khảo sát còn cho thấy thực tế vẫn còn một lực lượng cán bộ quản lý (chiếm tới hơn 25%) chưa thật sự tích cực

đối với nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng các cấp quản lý cần xem xét lại, có sự đổi mới và tích cực hơn trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV. Đồng thời, cần tránh những phát ngôn thể này: “Nếu nói về tính tích cực thì phải nói đến cả tập thể cùng tích cực, tôi chỉ cố gắng làm xong nhiệm vụ của mình mà không sai phạm là được”.

2.2.2. Tự đánh giá về hiệu quả chung của việc quản lý công tác NCKH của GV (xem bảng 3)

Bảng 3. Hiệu quả chung của việc quản lý công tác NCKH của GV

| Mức độ | Tỉ lệ (%) | ĐTB |
|------------|-----------|------|
| Tốt | 30,8 | 4,08 |
| Khá | 48,7 | |
| Trung bình | 17,9 | |
| Yếu | 2,6 | |
| Kém | 0,00 | |

Bảng 3 cho thấy mức độ tự đánh giá hiệu quả chung về công tác quản lý hoạt động NCKH của GV chưa cao, mặc dù ĐTB là 4,08, ứng với thang điểm mức khá. Có 79,5% cán bộ quản lý tự đánh giá hiệu quả quản lý từ mức khá trở lên, 17,9% đánh giá đạt mức trung bình và chỉ có 2,6% đánh giá ở mức yếu.

Kết quả này chỉ ở mức tương đối,

chưa phải là kết quả cao như mong đợi. Đây là hệ quả đương nhiên của việc vẫn còn một số cán bộ quản lý chưa tích cực lắm trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV do mình phụ trách.

2.2.3. Tự đánh giá về hiệu quả quản lý hoạt động NCKH của GV ở từng chức năng quản lý (xem bảng 4)

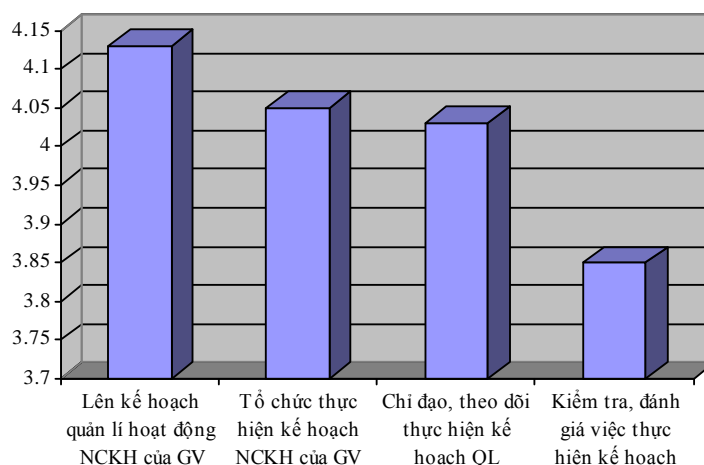
Bảng 4. Các chức năng trong quản lý hoạt động NCKH của GV

| Chức năng quản lý | ĐTB |
|--|------|
| Lên kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV | 4,13 |
| Tổ chức thực hiện kế hoạch NCKH của GV | 4,05 |
| Chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch NCKH của GV | 4,03 |
| Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch NCKH của GV | 3,85 |

Bảng 4 cho thấy cả bốn chức năng trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV tại trường được thực hiện đạt mức khá với ĐTB từ 3,85 đến 4,13. Đứng vị trí đầu tiên là chức năng *lên kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV* (ĐTB=4,13). Kế đến là hai chức năng *tổ*

chức thực hiện kế hoạch NCKH của GV (ĐTB=4,05) và chức năng *chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học của GV* (ĐTB=4,03) với ĐTB chênh lệch nhau không đáng kể. Có thể thấy rõ mức độ đánh giá về các chức năng qua biểu đồ 1 dưới đây:

Biểu đồ 1. Chức năng quản lý hoạt động NCKH của GV



Biểu đồ 1 cho thấy công tác quản lý hoạt động NCKH của GV đã đạt được kết quả nhất định trong việc thực hiện ba chức năng đầu tiên của công tác quản lý. Trong khi đó, chức năng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV, mặc dù cũng được đánh giá với ĐTB tương ứng với mức

khá nhưng kết quả đạt được vẫn còn thấp hơn nhiều so với những chức năng khác.

2.2.4. Thực trạng thực hiện từng chức năng trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV

2.2.4.1. Về chức năng kế hoạch hóa (xem bảng 5)

Bảng 5. Chức năng kế hoạch hóa công tác quản lý hoạt động NCKH của GV

| Nội dung | ĐTB |
|--|------|
| Xác định và đánh giá tình hình NCKH, quản lý hoạt động NCKH của GV | 3,97 |
| Xác định mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp quản lý | 4,03 |
| Xây dựng quy chế của nhà trường có lồng ghép với quản lý | 3,90 |
| Xác định các nguồn lực cho công tác quản lý | 3,72 |
| Xây dựng các loại kế hoạch cho quản lý | 3,90 |

Bảng 5 cho thấy những nội dung trong chức năng kế hoạch hóa được cán bộ quản lý đánh giá với ĐTB từ 3,90 đến 4,03, tương ứng với mức khá trong thang điểm chuẩn. Đứng vị trí đầu tiên là nội dung *xác định mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp quản lý hoạt động NCKH của GV* (ĐTB=4,03, mức khá). Đây là nội dung cơ bản trong chức năng lập kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV.

Nội dung *xác định và đánh giá tình hình NCKH, quản lý hoạt động NCKH của GV* đứng vị trí thứ hai với ĐTB=3,97. Kết quả này cho thấy cán bộ quản lý đã có sự quan tâm đặc biệt đến công tác này, bởi đây là nền tảng để lập kế hoạch cho công tác quản lý hoạt động NCKH của GV.

Cùng đứng vị trí thứ ba với ĐTB=3,90 là hai nội dung: *xây dựng quy chế của nhà trường có lồng ghép với quản lý hoạt động NCKH của GV* và *xác định các loại kế hoạch cho quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV*. Cuối

cùng là nội dung *xác định các nguồn lực cho công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV* với ĐTB thấp nhất (3,72). Mặc dù được đánh giá ở mức độ khá nhưng nội dung này được thực hiện có phần hạn chế hơn những nội dung khác trong chức năng kế hoạch hóa. Trong khi đó, việc xác định các nguồn lực là cơ sở ban đầu tạo nền tảng giúp người quản lý phân công, phân nhiệm rõ ràng trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV. Rõ ràng đây là một hạn chế, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác quản lý hoạt động NCKH của GV Trường ĐHSPTHCM và cần được khắc phục.

Giải quyết vấn đề này không thể không quan tâm đến các biện pháp có liên quan đến việc hoàn thiện quy trình quản lý nói chung, đồng thời chú ý nâng cao hiệu quả công tác quản lý và thực hiện tốt chức năng tổ chức.

2.2.4.2. Về chức năng tổ chức (xem bảng 6)

Bảng 6. Chức năng tổ chức trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV

| Nội dung | ĐTB |
|--|------|
| Phổ biến kế hoạch, tiêu chí cho việc quản lý | 4,03 |
| Thành lập ban chỉ đạo quản lý hoạt động NCKH | 4,03 |
| Phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc quản lý | 4,21 |
| Tổ chức các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề về quản lý | 3,72 |
| Hướng dẫn và duyệt kế hoạch của các bộ phận trong việc quản lý | 4,21 |

Bảng 6 cho thấy các nội dung trong chức năng tổ chức đạt ĐTB từ 3,72 đến 4,21, ứng với thang điểm chuẩn ở mức khá. Điều này chứng tỏ chức năng tổ chức trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV cũng đạt được kết quả khá tốt trong thực tiễn.

Hai nội dung: *phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc quản lý; hướng dẫn và duyệt kế hoạch của các bộ phận trong việc quản lý* có cùng ĐTB (4,21), đứng vị trí cao nhất. Đây là hai cơ sở quan trọng để đưa việc tổ chức đi vào nề nếp, đạt hiệu quả cao và trở thành những công cụ quản lý mang tính thực tiễn và cụ thể.

Với ĐTB=4,03, ứng với thang điểm chuẩn mức khá, hai nội dung *phổ biến kế hoạch, tiêu chí cho việc quản lý và thành lập Ban Chỉ đạo quản lý hoạt động NCKH* cũng được đánh giá là đạt kết quả nhất định. Việc phổ biến kế hoạch, tiêu chí trong công tác quản lý sẽ giúp cho các

khoa và GV hiểu rõ và thực hiện đúng để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra. Ban Chỉ đạo hoạt động NCKH cấp trường có thể gồm Phòng KHCN&MT - TCKH và những người phụ trách quản lý nghiên cứu khoa học cấp Khoa. Với kết quả khảo sát thu được, chúng ta có thể thấy rằng hiện nay các cấp quản lý đang thực hiện khá tốt nhiệm vụ của mình trong thực tiễn.

Cuối cùng là nội dung *tổ chức các hội thảo, báo cáo chuyên đề về quản lý* với ĐTB=3,72, ứng với thang điểm mức khá; tuy nhiên, kết quả thực hiện nội dung này có phần hạn chế nhiều hơn so với những nội dung khác, những công tác khác có liên quan.

Căn cứ vào ĐTB trên, có thể khẳng định việc tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV tại trường khá chặt chẽ và hợp lý.

2.2.4.3. Về chức năng chỉ đạo (xem bảng 7)

Bảng 7. Chức năng chỉ đạo trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV

| Nội dung | ĐTB |
|---|------|
| Hướng dẫn GV thực hiện kế hoạch quản lý | 4,00 |
| Theo dõi, đôn đốc giáo viên thực hiện quản lý | 4,05 |
| Ra những quyết định điều chỉnh công tác quản lý | 4,00 |
| Động viên, khuyến khích GV thực hiện nhiệm vụ NCKH | 4,00 |
| Tăng cường công tác tham mưu với các lực lượng trong và ngoài nhà trường về công tác NCKH | 3,62 |

Bảng 7 cho thấy, cũng tương tự như hai chức năng trên, các nội dung trong chức năng chỉ đạo cũng được đánh giá với ĐTB ứng với thang điểm chuẩn mức khá. Theo dõi, đôn đốc GV thực hiện kế hoạch quản lý là nội dung được đánh giá cao nhất với ĐTB=4,05. Như vậy, trong quá trình quản lý hoạt động NCKH của GV thì cán bộ quản lý đã có sự theo dõi, đôn đốc GV thực hiện kế hoạch một cách nghiêm túc và có hiệu quả.

Cùng vị trí thứ hai với ĐTB=4,00 là ba nội dung: *Hướng dẫn GV thực hiện kế hoạch quản lý; ra những quyết định điều chỉnh công tác quản lý; động viên,*

Bảng 8. Chức năng kiểm tra, đánh giá trong công tác quản lý hoạt động NCKH của GV

| Nội dung | ĐTB |
|--|------|
| Xây dựng và phổ biến những quy định về kiểm tra công tác quản lý | 3,77 |
| Yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo thường xuyên về tình hình | 3,97 |
| Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quản lý | 3,62 |
| Kết hợp các hình thức kiểm tra (định kỳ, đột xuất...) hoạt động NCKH | 3,64 |
| Có chế độ khen thưởng và xử phạt hợp lý trong phong trào NCKH | 3,90 |

Bảng 8 cho thấy các nội dung trong chức năng kiểm tra, đánh giá có ĐTB cũng không ngoài mức khá, từ 3,62 đến 3,97. Mặc dù vậy nhưng các nội dung trong chức năng này vẫn có phần hạn chế hơn những nội dung của ba chức năng vừa phân tích ở trên.

ĐTB cao nhất về nội dung *yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo thường xuyên về tình hình* (3,97). Điểm số này giúp nhận định trong quá trình công tác, người quản lý có chú trọng thu thập thông tin về thực hiện kế hoạch của các cấp quản lý thông qua báo cáo, tuy nhiên lại chưa chú ý đến công tác tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quản lý

khuyến khích GV thực hiện nhiệm vụ NCKH. Điều này cho thấy các cán bộ quản lý đã có sự quan tâm, giúp đỡ và hỗ trợ GV thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV đạt hiệu quả cao.

Đứng vị trí thứ ba, cũng là vị trí cuối cùng với ĐTB=3,69, nội dung *tăng cường công tác tham mưu với các lực lượng trong và ngoài nhà trường về công tác NCKH* chưa được xem là thực hiện có hiệu quả. Do đó, người quản lý cần phải chú ý thực hiện công tác này để việc quản lý được tiến hành thuận lợi hơn.

2.2.4.4. Về chức năng kiểm tra, đánh giá (xem bảng 8)

(ĐTB=3,62, đứng vị trí cuối cùng). Đây thực sự là điều đáng lo lắng vì công tác quản lý nói chung và việc thực hiện các chức năng quản lý nói riêng chỉ thực sự hiệu quả khi chủ thể biết tự đánh giá kết quả công tác, rút kinh nghiệm hay biết tự điều chỉnh chính mình.

Các nội dung khác trong chức năng kiểm tra, đánh giá đạt ĐTB như sau: *Có chế độ khen thưởng và xử phạt hợp lý trong phong trào NCKH* (ĐTB=3,90); *xây dựng và phổ biến những quy định về kiểm tra công tác quản lý* (ĐTB=3,77); *kết hợp các hình thức kiểm tra hoạt động NCKH* (ĐTB=3,64).

Kết quả khảo sát này cho thấy chức năng kiểm tra, đánh giá công tác quản lý hoạt động NCKH của GV tại trường cần được cán bộ quản lý quan tâm hơn nữa.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát *thực trạng quản lý hoạt động NCKH của GV Trường ĐHSPTPHCM* cho thấy việc thực hiện các chức năng quản lý công tác này đã đạt được kết quả nhất định. Trong đó, ba chức năng cụ thể là: *Chức năng lập kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV, chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch NCKH của GV và chức năng chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện kế hoạch NCKH của GV* được thực

hiện khá tốt và hiệu quả. Trong khi đó, *chức năng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động NCKH của GV* mặc dù được đánh giá mức khá nhưng kết quả đạt được còn thấp hơn những chức năng khác. Những hạn chế này có thể tạo nên một cái nhìn, một hiệu ứng không tốt từ phía GV tham gia hoạt động NCKH, vì vậy, người quản lý cần có những động thái tích cực hơn. Việc đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động NCKH của GV Trường ĐHSPTPHCM cần thiết phải dựa trên những cơ sở thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Nghị quyết số 08/NQ-BCSD về phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2007 đến năm 2015*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định quy định chế độ làm việc đối với GV*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Kỷ yếu Hội thảo “Đổi mới hoạt động KHCN trong các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2008 - 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30-5-2011 ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*, Hà Nội.
6. Hoàng Thị Nhị Hà (2011), *Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở các trường đại học sư phạm*, Nxb Trường ĐHSPTPHCM.
7. Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục 2005*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Huỳnh Văn Sơn (2010), *Những cơ sở tâm lý của hoạt động dạy và học tích cực*, Nxb Trường ĐHSPTPHCM.
9. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2007), *Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường Đại học Sư phạm trọng điểm Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*.
10. Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2008), *Quyết định số 113/QĐ-KHCN&SDH ngày 19-2-2008 quy định tạm thời về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-02-2012; ngày chấp nhận đăng: 22-6-2012)